

TRUYỆN DẠNG NHÂN

TRANG TRINH



Trạng trình

Thư viện Ebook Sách Mới www.sachmoi.net

Nguyễn Bình Khiêm sinh năm Tân Hợi đời vua Lê Thánh Tông, tức năm Hồng Đức thứ 22 (1491) tại làng Trung Am huyện Vĩnh Lại, Hải Dương, nay là làng Trung Am xã Lý Học huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Thân phụ ông là nho sinh Nguyễn Văn Định (sau do con có công được vua truy phong Thái bảo Nghiêm Quận công). Thân mẫu là bà Nhữ Thị Thục (sau được phong Từ Thục phu nhân), con gái quan Thượng thư Nhữ Văn Lan, bà là người giỏi văn thơ và am hiểu lý số.

Nguyễn Bình Khiêm từ sớm đã tiếp thụ truyền thống gia giáo kỷ cương. Ông khôi ngô, tuấn tú, tư chất khác thường, một tuổi ông đã nói sõi, lên năm tuổi được mẹ dạy cho kinh sách, truyền miệng cho thơ văn chữ Nôm, ông học đâu nhớ đấy, không quên chữ nào.

Lớn lên ông theo học Bảng nhãn Lương Đắc Bằng ở làng Lạch Triều, huyện Hoằng Hoá (Thanh Hoá). Ông sáng dạ, thông minh lại chăm chỉ học hành nên được thầy rất khen ngợi.

Thời bấy giờ trong nước biến loạn, ông không muốn xuất đầu, lộ diện, đành ở ẩn một nơi. Năm Đại Chính thứ sáu (1535) đời vua Mạc Đăng Doanh lúc 45 tuổi, ông mới đi thi và đậu Trạng nguyên. Vua Mạc cất ông lên làm Tả Thị lang Đông các Học sĩ. Vì ông đỗ Trạng nguyên và được phong tước Trình Tuyền hầu nên dân gian gọi ông là Trạng Trình.

Làm quan được bảy năm, ông dâng sớ hạch tội 18 lộng thần nhưng không được vua nghe nên xin cáo quan năm 1542.

Khi về trí sĩ, ông dựng am Bạch Vân và lấy hiệu Bạch Vân cư sĩ mở trường dạy học cạnh sông Tuyết, do đó học trò gọi ông là "Tuyết giang Phu tử". Bạn của ông là những tài danh lỗi lạc một thời như Bảng nhãn Bùi Doãn Đốc, Thám hoa Nguyễn Thừa Hưu, Thư Quốc công Thượng thư Trạng nguyên Nguyễn Thiến. Học trò của ông có nhiều người nổi tiếng như Nguyễn Dữ- tác giả Truyền kỳ mạn lục, Thượng thư Bộ Lễ Lương Hữu Khánh, Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, Quốc công Nguyễn Quyện, Thượng thư Bộ Hộ Trạng nguyên Giáp Hải, Tiến sĩ Trương Thời Cử, Tiến sĩ Đinh Thời Trung, Hàn Giang Phu tử Nguyễn Văn Chính ...

Ông mất năm Ất Dậu (1585) hưởng thọ 95 tuổi. Lễ tang ông có quan phụ chính triều đình là Ứng vương Mạc Đôn Nhượng dẫn đầu các quan đại thần về viếng. Việc vua Mạc cử người được vua coi như cha về dự lễ tang nói lên sự trân trọng rất lớn của nhà Mạc với Trạng Trình. Trong buổi lễ tang ấy, Ứng vương đã thay mặt vua truy phong Nguyễn Bình Khiêm tước Thái phó Trình Quốc công.

Nguyễn Bình Khiêm đã để lại cho hậu thế những tác phẩm văn thơ có giá trị như tập thơ Bạch Vân, gồm hàng trăm bài thơ chữ Hán (còn lưu lại) và hai tập Trình Quốc công Bạch vân thi tập và Trình Quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập, hay còn gọi là Bạch Vân quốc ngữ thi, (với hàng trăm bài thơ chữ Nôm) hiện còn lưu lại được một quyển của Bạch Vân thi tập gồm 100 bài và 23 bài thơ trong tập Bạch Vân Gia Huấn mang nhiều chất hiện thực và triết lý sâu xa, thể hiện đạo lý đối nhân xử thế lấy đức bao trùm lên tất cả, mục đích để răn dạy đời.

Khi theo học Bảng nhãn Lương Đắc Bằng, ông được truyền cho quyển Thái Ất thân kinh từ đó ông tinh thông về lý học, tướng số... Sau này, dù Nguyễn Bình Khiêm không còn làm quan nhưng vua Mạc Hiến Tông (Mạc Phúc Hải) vẫn phong cho ông tước Trình Tuyên hầu vào năm Giáp Thìn (1544), ngụ ý đề cao ông có công khơi nguồn ngành lý học, giống như Trình Y Xuyên, Trình Minh Đạo bên Trung Hoa. Sau đó được thăng chức Thượng thư bộ Lại tước hiệu Trình quốc công. Nhờ học tính theo Thái Ất, ông tiên đoán được biến cố xảy ra 500 năm sau này. Người Trung Hoa khen Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm là "An Nam lý số hữu Trình Tuyên". Ông tinh thông về thuật số, được dân gian truyền tụng và suy tôn là "nhà tiên tri" số một của Việt Nam. Ông đã cho ra đời hàng loạt những lời tiên tri cho hậu thế mà người đời gọi là: Sấm Trạng Trình" (*)

Sấm Trạng Trình

Ban biên tập: "Sấm Trạng Trình" hiện nay có nhiều bản khác nhau, đáp ứng cho nhu cầu bạn đọc, chúng tôi đăng lại toàn bộ bản (bản A) do Nguyễn Nghiệp sưu tầm, giới thiệu trong sách "Trạng Trình - Sấm và Ký" NXB Văn hóa - Thông tin.

BẢN A - SẤM KÝ TRẠNG TRÌNH

Đây là bản trích ở “Thành ngữ, điển tích, danh nhân từ điển” (tập 2) của Trịnh Văn Thanh. Bản này ngoài 14 câu "Cảm đề" có 248 câu “Sấm ký” cộng 262 câu.

Để tiện việc nghiên cứu, chúng tôi chia 248 câu trong phần “Sấm ký” thành 58 khổ thơ. với 8 khổ 6 câu còn lại 50 khổ 4 câu và đánh số 1 đến 58. Tám khổ 6 câu là các khổ thứ 1, 6, 10, 19, 23, 31, 34 và 44

CẢM ĐỀ

Thanh nhàn vô sự là tiên,

Năm hồ phong nguyệt rỗi thuyền buông chơi(1)

Cơ tạo hoá,

Phép đổi dời,

Đầu non mây khói toả,

Mặt nước cánh buồm trôi,

Hươu Tần mặc kệ ai xua đuổi,

Lầu Hán trắng lên ngẫm mệnh trời.

Tuổi già thừa kém bạn(2)

Văn chương gửi lại đời.

Dở hay nên tự lòng người cả,

Bút nghiên soi hoa chép mấy lời

Bí truyền cho con cháu.

Dành hậu thế xem chơi.

(1) Phạm Lãi sau khi lập kế cho Việt Vương Câu Tiễn diệt Ngô Phù Sai rồi chán đường danh lợi đổi tên là Đào Chu cùng với Tây Thi đi chu du trên Ngũ Hồ.

(2) Thua kém bạn ở đây có nghĩa là ít bạn (cách nói cổ).

Sấm ký

1.

Nước Nam từ họ Hồng Bàng,

Biển dâu cuộc thế, giang sơn đổi vắn.

Tự Đinh, Lê, Lý, Trần thưở trước,

Đã bao lần ngôi nước đổi thay

Núi sông thiên định đặt bày

Đồ thư một quyển xem nay mới rành.

Chú thích: (1) Khở mở đầu. Đồ thư là bản đồ và sách.

2.

Hoà đao mộc lạc

Thập bát tử thành.

Đông A nhật xuất,

Dị mộc tái sinh.

Chú thích: (2) Hoà, đao, mộc là chữ Lê, lạc là rơi, ý nói nhà Lê hết, Thập, Bát, Tử là chữ Lý ám chỉ nhà Lý nối tiếp. Đông A là chữ Trần. Dị mộc tái sinh là cây khác sống lại, ý nói nhà Hậu Lê.

3

Chấn cung xuất nhật

Đoài cung vẫn tinh.

Phụ nguyên trì thống,

Đế phé vi đình. (đọc bình luận)

Chú thích: (3) Nói nhà Nguyễn Tây Sơn xuất hiện

4.

Thập niên dư chiến,

Thiên hạ cứu bình.

Lời thần trước đã ứng linh,

Hậu lai phải đoán cho minh mới tường.

Chú thích: (4) Hơn mười năm chinh chiến, thiên hạ mới được lâu dài yên ổn.

5

Hoà đao mộc hồi dương sống lại.

Bắc Nam thời thế đại nhiều nhường

Hà thời biện - lại vi vương

Thử thời Bắc tận Nam trường xuất bôn. (đọc bình luận)

Chú thích: (5) Thời Trịnh - Nguyễn đánh nhau, Nam Bắc phân tranh, nhà Lê Trung Hưng, Nguyễn Nhạc lên làm vua.

6.

Lê tôn, Trịnh tại,

Lê bại, Trịnh vong. (đọc bình luận)

Bao giờ ngựa đá sang sông,

Thì dân Vĩnh Lại quận công cả làng.

(Hà thời thạch mã độ giang

Thử thời Vĩnh Lại nghênh ngang công hầu) (Đọc bình luận)

Chú thích: (6) Nói về quan hệ giữa vua Lê và chúa Trịnh Dân Vĩnh Lại cả làng được làm quận công

7

Chim bằng cất cánh về đâu ?

Chết tại trên đầu hai chữ quận công

Bao giờ trúc mọc qua sông

Mặt trời sẽ lại đỏ hồng non tây. (đọc bình luận)

Chú thích: (7) Về Nguyễn Hữu Chỉnh (bằng quận công) và chiến thắng Đống Đa lịch sử

8

Đoài cung một sớm đổi thay,

Chân cung sao cũng sa ngay chẳng còn.

Dầu cha lộn xuống chân con

Mười bốn năm tròn hết số thì thôi. (đọc bình luận)

Chú thích: (8) Vua Quang Trung truyền đến đời vua Cảnh Thịnh, hai đời được mười bốn năm

9

Phụ nguyên chính thống hẳn hoi,

Tin dê lại phải mắc mỗi đàn dê.

Dục lòng chinh chích u mê

Thập trên tứ dưới nhất đề chữ tâm. (đọc bình luận)

Chú thích: (9) Nhà Nguyễn mắc mỗi Tây Dương, mất chủ quyền về tay người Pháp và cái chết của vua Dục Đức

10

Đẻ loài bạch quý Nam xâm,

Làm cho trăm họ khổ trăm lưu ly.

Ngai vàng gặp buổi khuyh nguy.

Gia đình một ở ba đi dần dần,

Cho hay những gã công hầu,

Giàu sang biết gửi nơi đâu chuyến này. (đọc bình luận)

Chú thích: (10) Nhà Nguyễn đưa dân ta vào vòng nô lệ và ba vị vua yêu nước bị đi đày ở Châu Phi

11

Kia kia gió thổi lá rung cây.

Rung Bắc rung Nam Đông tới Tây.

Tan tác KIẾN kiều AN đất nước

Xác xơ CỎ thụ sạch AM mây. (đọc bình luận)

12

LÂM giang nổi sóng mù THAO cát,

HUNG địa tràn dâng Hoá nước đây.

Một ngựa một yên ai sùng bái ?

Nhấn con nhà VĨNH BẢO cho hay.

Chú thích: (11,12) Cuộc khởi nghĩa Yên Bái bất thành năm 1930.

13

Tiền ma bạc quý trao tay,

Đồ, Môn, Nghệ, Thái dầy đầy can qua.

Giữa năm hai bảy mươi ba,

Lửa đâu mà đốt tám gà trên mây. (đọc bình luận)

Chú thích: (13) Các cuộc khởi nghĩa đầu thế kỷ 20 và cái chết của viên toàn quyền Pierre Pasquier

14

Ròng nằm bể cạn dễ ai hay,

Rắn mới hai đầu khó chịu thay.

Ngựa đã gác yên không người cưỡi,

Dê không ăn lộc ngành về Tây.

15

Khỉ nọ ôm con ngồi khóc mếu,

Gà kia vỗ cánh chập chùng bay

Chó nọ vẫy đuôi mừng thánh chúa,

Ăn no ủn ỉn, lợn kêu ngày.

Chú thích: (14, 15) Những biến cố trong tám năm liên tiếp : Thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi.

16

Nói cho hay khảm cung ong dậy,

Chí anh hào biết đấỵ mới ngoan,

Chữ rằng lục, thất nguyệt gian,

Ai mà giữ được mới nên anh tài.

17

Ra tay điều đình hộ mai,

Bây giờ mới rõ là người an dân.

Lọ là phải nhọc kéo quân,

Thấy nhân ai chẳng mến nhân tìm về.

18

Phá điền than đến đàn dê,

Hễ mà chuộc rúc thì dê về chuông.

Dê đi dê lại tuần luôn,

Đàn đi nó cũng một môn phụ trì.

19

Thương những kẻ nam nhi chí cả,

Chờ vợi sang tất tả chạy rong.

Học cho biết chữ cát hung,

Biết phương hướng đứng chớ dưng lâm chi,

Hễ trời sinh xuống phải thì,

Bất kỳ nhi ngọ tướng gì đợi mong.

20

Kìa những kẻ vội lòng phú quý,
Xem trong mình một tí đều không
Ví dù có gặp ngư ông,
Lưới đang đâu dễ nên công mà hòng.

21

Khuyên những đứng thời trung quân tử,
Lòng trung nghi nên giữ cho mình.
Âm dương cơ ngẫu hộ sinh,
Thái Nhâm, Thái ất trong mình cho hay.

22,23

Chờ vật vờ quen loài ong kiến,
Hư vô bàn miệng tiếng nói không .
“Ô hô thể sự tự bình bồng,
Nam, Bắc hà thời thiết lộ thông.
Hồ ả sơn trung Mao tận bạch, (đọc bình luận)
Kinh cư hải ngoại huyết lưu hồng.
Kê mình ngọc thụ thiên khuynh Bắc,
Ngưu xuất Lam điền nhật chính Đông.
Nhược đãi ưng lai sư tử thượng,
Tứ phương thiên hạ thái bình phong”

Chú thích: (22,23) Tám câu cuối, ông Ngư Phố giác đã dịch nôm như sau :

Than đi thể sự thật bình bồng !

Nam, Bắc chùng nào thiết lộ thông ?

Hồ ẩn trong non, mao thấy trắng,
Kình ngoi ngoài biển huyết loang hồng.
Gà kêu cây ngọc trời nghiêng Bắc,
Trâu tới Lam điền bóng rạng Đông
Tới lúc ưng về sư tứ dật,
Thái bình mơn toả khắp non sông

24
Ngõ mây gặp hội mây rồng,
Công danh rạng rỡ chép trong vân đài.
Nước Nam thường có Thánh tài.

Sơn hà vững đặt ai hay tỏ tường?

25
So mấy lè để tàng kim quỹ,
Kể sau này ngu bị được coi.

Đôi phen đất lở cát bồi,
Đó đây ông kiến dậy trời quý ma.

26
Ba con đổi lấy một cha,

Làm cho thiên hạ xót xa vì tiền .

Mão, Thìn, Tý, Ngọ bất yên,

Đợi tam tứ ngũ lai niên cũng gàn. (đọc bình luận)

Chú thích: (26) Việc thay dân đồng tiền Khải Định bằng đồng Bảo Đại

27
Hoành sơn nhất đá,

Vạn đại dung thân, (đọc bình luận)

Đến thời thiên hạ vô quân,

Làm vua chẳng dễ, làm dân chẳng lành. (đọc bình luận)

Chú thích: (27) Chúa Nguyễn vào Nam cũng có thể lược

28

Gà kêu cho khỉ dậy nhanh,

Phụ nguyên số đã rành rành cáo chung,

Thiên sinh hữu nhất anh hùng,

Cứu dân độ thế trừ hung diệt tà.

Chú thích: (28) Nhà Nguyễn cáo chung

29

Thái Nguyên cận Bắc đường xa,

Ai mà tìm thấy mới là thần minh,

Uỷ nghi dung mạo khác hình,

Thác cư một góc kim tinh phương Đoài.

30

Cùng nhau khuya sớm chăn nuôi,

Chờ cơ mới sẽ ra đời cứu dân,

Bình thư mây quyển kinh luân

Thiên văn, địa lý, nhân dân, phép màu.

31

Xem ý trời ngõ hầu khải thánh,

Dốc sinh ra điều đình hộ mai.

Song thiên nhật nguyệt sáng soi,

Thánh nhân chẳng biết thì coi như tường

Thông minh kim cổ khác thường,

Thuấn, Nghiêu là trí, Cao Quang là tài.

Chú thích: (29-31) Một vị thành nhân sáng suốt mở đường cho dân tộc, đức độ nhân trí như vua Nghiêu, vua Thuấn, tài giỏi như vua Hán Cao tổ và vua Quang Vũ đế.

32

Đấng hiên ngang nào ai biết trước,

Tài thao lược yêm bác vu văn.

Ai còn khoe trí khoe năng,

Cấm kia bắt nọ hung hăng với người.

33

Chưa từng thấy nay đời sự lạ,

Chóc lại mòng gá vạ cho dân.

Muốn bình sao chẳng lấy nhân,

Muốn yên sao lại bắt dân ghê mình.

34

Dã ngu đại Hoàn,

Linh đời Hán Lại đua nhau quần thán đồ lê.

Chức này quyền nọ say mê,

Làm cho thiên hạ khôn bề tựa nương.

Kẻ thì phải thưở hung hoang,

Kẻ thì bận của bổng toan, khốn mình.

Chú thích: (32-34) Chưa thấy tài liêu nào giải thích xem ứng với sự kiện gì. Hoàn Đế và Linh Đế và hai vi hôn quân ở cuối đời Đông Hán.

35

Cửu cửu càn khôn dĩ định,

Thanh minh thời tiết hoa tàn,

Trực đảodương đầu mã vĩ,

Hồ binh bát vạn nhập Trường An. (đọc bình luận)

Chú thích: (35) Tám vạn bộ đội cụ Hồ vào giải phóng Thủ đô

36

Nực cười những kẻ bàng quan,

Cờ tan lại muốn toan đường chống xe.

Lại còn áo mũ xum xoe

Còn ra xe ngựa màu mè khoe khoang.

37

Ghê thay thau lẫn với vàng,

Vàng kia thử lửa càng cao giá vàng.

Thánh ra tuyết tán mây tan,

Bấy giờ mới sáng rõ ràng nơi nơi.

38

Can qua, việc nước bời bời,

Trên thuận ý trời, dưới đẹp lòng dân,

Oai phong khắp quý kinh thân.

Nhân nghĩa xa gần bách tính ngợi ca.

39

Rừng xanh núi đỏ bao la,

Đông tàn Tây bại sang gà mới yên,

Sửu Dần thiên hạ đảo điên,

Ngày nay thiên số vận niên rành rành.

40

Long vĩ sà đầu khởi chiến tranh,

Can qua xú xú khổ đao binh.

Mã đề dương cước anh hùng tận,

Thân, đậu niên lai kiến Thái bình. (đọc bình luận)

Chú thích: (40) Bốn câu này được ông Ngự Phù giáo dịch như sau: Đuôi rồng đầu rắn nổi chiến tranh/ Khắp hòa thiên hạ khổ đao binh/ Móng dê chân ngựa anh hùng hết/ Thân đậu rồi ra mới thái bình./ nói về cuộc Đại chiến.thế giới thứ hai.

41

Sự đời tính đã phân minh,

Thanh nhàn mới kể chuyện mình trước sau:

Đầu thu gà gáy xôn xao,

Mặt trăng xưa sáng tỏ vào Thăng Long (đọc bình luận)

Chú thích: (41) Cách mạng tháng tám - 1945

42

Chó kêu âm ỉ mùa đông,

Cha con Nguyễn lại bé bỏng nhau đi,

Lợn kêu tình thế lâm nguy,

Quý Vương chết giữa đường đi trên gò.

Chú thích: (42) Nhà Nguyễn cáo chung. Hay câu sau có người cho ám chỉ Đại tướng Pháp Leclerc ngộ nạn máy bay chết cháy

43

Chuột xa chính gạo nằm chơi,

Trâu cày ngốc lại chào đời bước ra.

Hùm gầm khắp nẻo gần xa,

Mèo kêu rợn tiêng quỷ ma toi bời.

44

Rồng bay năm về sáng ngời,

Rắn qua sứa soạn hết đời sa tăng.

Ngựa hồng quỉ mới nhả răng,

Cha con dòng họ thầy tăng hết thời,

Chín con rồng lộn khắp nơi,

Nhện dăng lưới gạch đại thời mắc mưu.

Chú thích: (43,44) Giặc Pháp bại trận

45

Lời truyền để lại bấy nhiêu,

Phương Đoài giặc đã đến chiều bại vong.

Hậu sinh thuộc lấy làm lòng,

Đến khi ngộ biến đường trong giữ mình.

46

Đầu can Võ tướng ra binh,

Ắt là trăm họ thái bình âu ca.

Thần Kinh Thái ắt suy ra,

Để dành con cháu đem ra nghiệm bàn.

47

Ngày thường xem thấy quyển vàng

Của riêng bảo ngọc để tàng xem chơi.

Bởi Thái Ất thấy lạ đời,

Ấy thưở sấm trời vô giá thập phân.

48

Kể từ Lạc Long Quân,

Đáp đỏi xoay vần đến lục thất gian.

Mỗi đời có một tôi ngoan,

Giúp chung nhà nước dân an thái bình.

Chú thích: (45-48) Nói vì sự ra đời của bài Sấm và dần dần trăm họ thái bình, quốc thái dân an.

49

Phú quý hồng trần mộng,

Bần cùng bạch phát sinh.

Hoa thôn dã khuyến phê,

Mục già giục nhân canh.

50

Bắc hữu Kim thành tráng,

Nam hữu Ngọc bích thành.

Phân phân từng bách khởi,

Nhiều nhiều xuất Đông chính.

51

Bảo giang thiên tử xuất.

Bất chấp tự nhiên thành,

Rồi ra mới biết thánh minh.,

Mừng đời được lúc hiển vinh reo hò.

Chú thích: (49-51) Cuộc sống dần tới âm no. Mấy khổ này dịch như sau: Giàu sang mộng bụi hồng/ Khốn cùng sinh tóc bạc/ Hoa Thôn chó sữa nhiều/ Trẻ trâu giục người gác/ Bắc có Kim Thành vững/ Nam có Ngọc Bích Thành/ Tuyến rơi từng bách xanh/ Bồi rồi thừa đông chính/ Bảo giang vua xuất hiện/ Chẳng đánh tự nhiên thành/ Rồi ra mới biết thánh minh/ Mừng đời được lúc hiển vinh reo hò.

52

Nhị Hà một dải quanh co,

Chính thực chốn ấy đê đô hoàng bào.

Khấp hoà thiên hạ nao nao,

Cá gập mưa rào có thích cùng chãng?

Chú thích: (52) Chính Hà Nội (có sông Nhị Hà chảy qua) mới là kinh đô.

53

Nói đến độ thầy tăng ra mở nước,

Dám quỳ kia xuôi người đến đâu.

Bấy lâu những cây phép mầu,

Bây giờ phép ấy đê lâu không hào.

Chú thích: (53) Nói về thực dân Pháp vẫn tự nhận là báo hộ khai hoá nhưng do hà hiếp dân ta lại vẫn cậy vào văn minh cơ khí nay đã hết thời, dân tộc ta đã trưởng thành, các thứ ấy không còn hiệu nghiệm nữa.

54

Cũng có kẻ non trèo biển lội,

Lánh mình vào Ở nội Ngô, Tề.

Có thầy Nhân Thập đi về,

Tả hữu phù trì, cây cỏ thành binh.

55

Những người phụ giúp thánh minh,

Quân tiên xướng nghĩa chẳng tàn hại ai.

Phùng thời nay hội thái lai,

Can qua chiến trận để người thương công.

56

Trẻ già được biết sự lòng,

Ghi là một bản đề hồng giờ xem.

Đời này những thánh cùng tiên.

Sinh những người hiền trị nước an dân.

Chú thích: (54 - 56) Thấy nhân Thập (danh từ riêng) chưa rõ chỉ ai. Hai bên phải trái có người hỗ trợ, cây cỏ cũng thành binh lính. Gặp thời nay tới hội tốt lành rạng rỡ, nhưng chiến công thắng giặc đều được khen thưởng, nhân dân vui sướng.

57

Này những lúc thánh nhân chưa lại,

Chó còn nằm đầu khay cuối thu.

Khuyên ai sớm biết khuông phù,

Giúp cho thiên hạ Đường, Ngu ngỗ hầu.

58

Cơ Tạo Hoá phép màu khôn tỏ,

Cuộc tàn rồi mới rõ thấp cao.

Thấy sấm từ đây chép vào,

Một mảy tơ hào chẳng dám sai ngoa.

GIAI THOẠI VỀ TRẠNG LÚC SINH THỜI:

1. Bà thân mẫu Từ THỰC PHU NHÂN

Thân phụ của Trang là Văn Định sau được nhà Mạc truy tặng chức Thái Bảo, Nghiêm Quận Công. Thân mẫu là con gái quan Hộ bộ Thượng thư Nhữ Văn Lan, sau được nhà Mạc truy tặng Từ Thực phu nhân. Tục truyền Từ Thực phu nhân là người đàn bà giỏi về văn chương và đặc biệt sở trường về khoa Lý số. Bà tự xem tướng biết mình sau sinh quý tử, nên kén chồng khá lâu. Mãi đến năm ngoài 30 tuổi, mới gặp ông Văn Định là người có tướng hợp, bà mới chịu cùng kết hôn.

Cái mộng lớn của bà là sẽ sinh con làm Thiên tử, chứ không chịu công hầu khanh tướng. Vì thế, hôm động phòng hoa chúc, bà cầm một chiếc đĩa ở trước sân và dặn ông Văn Định: Khi bóng trăng đến chiếc đĩa, ông mới được nhập phòng. Đợi lâu quá, nóng ruột, ông Văn Định bước vào. Bà trách rằng:

- Ông vội vàng như thế thì con cái sau này chỉ làm đến Tứ trụ hay đỗ đến Trang Nguyên là cùng, chứ không thể làm được Hoàng đế.

Hai vợ chồng ăn ở được ít lâu, một hôm bà đi đò gặp một thanh niên vạm vỡ làm nghề đánh cá, bà xem tướng thấy rõ người này mới thật là đại quý, nhưng tiếc việc hôn nhân đã lỡ cùng ông Văn Định rồi. Người thanh niên ấy tức là Mạc Đăng Dung, sau này là Thái Tổ nhà Mạc. Tuy thế, những bà vẫn tin ở các phép nhân định thắng thiên của mình.

Tương truyền, một hôm bà đưa con về quê, dọc đường gặp một thầy tướng Trung Hoa. Sau khi liếc qua dung mạo của Nguyễn Bình Khiêm, thầy Tàu buột miệng khen: "Tướng mạo của thằng bé này không phải tầm thường. Nhưng vì nước da hơi thô nên chỉ làm được Trang Nguyên mà thôi". Bà nghe lời nói của thầy tướng không được vui lòng. Nguyễn Bình Khiêm là con trai đầu lòng của bà. Bà nuôi hy vọng rất lớn nên câu mong ân trạch của tiền nhân và quyết sau này con bà phải ở ngôi Thiên Tử.

Nguyễn Bình Khiêm thông minh lạ lùng. Năm đầy tuổi thôi nôi đã biết nói. Năm con lên 4 tuổi, bà đã dạy cho học thuộc lòng các bài chính nghĩa của Kinh, Truyện cùng với mười bài thơ Nôm. Có một hôm bà mẹ đi vắng, ông Văn Định nhân lúc rảnh rang, bỗng con dạo chơi thơ thần trước sân. Nhìn thấy ánh trăng, cao hứng ông ngâm lên: Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung. Bình Khiêm đã ứng khẩu đọc: Vén tay tiên, hốt hốt rung. Ngạc nhiên vì tài ứng đối giỏi của cậu con trai, ông Văn Định cho rằng con mình là "thần đồng xuất thế". Khi bà vợ về ông Văn Định liền đem câu chuyện thuật lại. Bà mẹ của Bình Khiêm đã không mừng thì chớ, lại trách chồng sao ung mặt trăng là một khí tượng nhỏ, tượng trưng cho phận bầy tôi, sao sánh được với mặt trời, biểu hiện cho đấng Thiên tử. Cách ít lâu sau bà chán nản bỏ đi. Có thuyết cho rằng bà đã bước thêm một bước nữa và sinh hạ được ông Phùng Khắc Khoan, tác là ông Trang Bùng, tác giả "Ngư Phủ nhập Đào Nguyên truyện" và "Nghị trai thi tập", cũng gọi là "Phùng Công thi tập".

2. Quan Bảng nhãn LƯƠNG ĐẮC BẰNG

Đền thờ Nguyễn Bình Khiêm

Nguyễn Nghiệp

Nguyễn Bình Khiêm lớn lên theo học quan Bảng nhãn Lương Đắc Bằng, người làng Hội Trào, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, Nguyễn Bình Khiêm học rất giỏi và nổi tiếng về văn thơ.

Một hôm cụ Lương Đắc Bằng ốm, biết mình không saosông lâu được nữa bèn gọi Nguyễn Bình Khiêm lại, chỉ cho ông một cái tráp để trên đầu giường, bảo giở ra mà lấy một bộ sách gói kín trong nhiều lần gấm quý. Cụ Bằng bảo:

- “Đây: thầy cho quyền sách này và chỉ có con mới có thể hiểu được. Giờ này, thầy cũng nên nhắc lại một việc ly kỳ cho con nghe: Lúc thầy đi sứ qua Tàu, sứ mạng xong thầy sắp về thì có một cụ khách già cầm trao cho thầy một quyển sách, thầy tưởng cho thầy. Ông ấy lại nói:

- “Không, ta không phải cho nhà ngươi, ta nhờ người đem về giao cho một người An Nam”.

Thầy ngạc nhiên hỏi:

- “Cụ cho ai mà không nói tên?”.

Ông đáp: - “Không cần, chừng nào trong tâm linh nhà ngươi muốn cho ai là người ấy được phần”.

“Thầy mới hiểu lại ông ấy là một dị nhân. Ngày nay thầy cho con là con có phần”.

Mở ra đọc cảm thấy không lãnh hội được gì mấy, ông Nguyễn Bình Khiêm cất quyển sách ấy lại một bên. Thỉnh thoảng ông lại đem ra đọc, rồi lại cất, cứ như thế mãi...

Đến một hôm, có ông khách Tàu đem cho ông Bình Khiêm một bài thơ. Ông giở ra xem thì thấy ngụ ý của bài thơ có phần liên lạc với những câu trong bộ sách của thầy ông trao cho mà ông đã thường ngâm đọc nhiều lần song chưa hề vợ nghĩa. Bộ sách ấy chính là bộ Thái ất Thần Kinh vậy. Nhiều người cho rằng Nguyễn Bình Khiêm nhờ nghiên cứu những điều bí ẩn trong bộ sách Thái ất Thần Kinh này mà thông suốt được mọi việc quá khứ vị lai.

3. Với vợ : Lấy số tử vi cho cái quạt

Một hôm trời mùa hạ, bà Trạng đi chợ mua về cho Cụ một cây quạt giấy. Cụ tính ngày giờ, rồi lấy cho cây quạt một lá số tử vi. Cụ đoán ra cái ngày chết của nó. Tất cả những việc làm ấy, Cụ đều bí mật không cho một ai hay. Cụ phân vân nghĩ:.

"Nếu để dùng, lâu ngày nó sẽ rách hoặc thất lạc đi, cái đó là sự thường. Nếu đúng như số thật, và quả có như vậy mọi việc đều do nơi tiền định, không ai có thể ngăn cản được, thì ta hãy cất đi xem nó ra thế nào. Đúng đến ngày ấy, nó có chết thật không?".

Nghĩ vậy, Cụ niêm phong cây quạt và treo ngay lên chỗ đầu giường.

Tối ngày, cây quạt vẫn còn nguyên. Bữa đó từ sáng đến chiều. Cụ Ở nhà, quanh quẩn ở nơi giường cả ngày để xem cây quạt chết ra sao. Thỉnh thoảng Cụ lại ngắm nghía và lấy phất trần phủ những hạt bụi bám xung quanh.

Trưa hôm ấy, người cháu gọi bà Trang bằng cô, có việc cần, đến mấy lượt thỉnh Cụ lại chơi, Cụ cũng từ chối không đi. Anh ta nghĩ cho Cụ giận mình về việc gì mà không nói, đến than thở, nói với bà Trang để nhờ bà đốc Cụ đi dùm cho, không có, công việc anh không thành.

Bà Trang từ sáng đã ngứa mắt thấy Cụ cứ chốc chốc lại phủ bụi cho quạt. Bà lên đốc Cụ đi sang cho nhà cháu. Cụ không đi. Bực mình, bà Trang liền la lối om xòm:

- Ông ở nhà làm gì, con cháu nó mời mấy lần, mà ông không chịu sang. Tôi mua quạt về dùng, đâu phải để ông cất đi làm đày tớ mà phủ bụi cho nó. Vừa la lối bà Trang vừa nhẩy lên với lấy cây quạt xé tan ra từng mảnh. Này quạt, này quạt, không dùng thì xé nó đi để làm

Thấy vậy, cụ Trang cả cười nói:

- Đúng thật, ta tưởng nó chết thế nào, thì ra như vậy đó.

Bà Trang cũng không biết ý Cụ nói thế là làm sao. Lúc đó Cụ mới chỉnh tề khăn áo đi sang nhà người cháu, và kể lại đầu đuôi câu chuyện với mọi người. Ai nấy cũng đều phục Cụ là tiên tri.

4. Với môn sinh : Sắt ngắn, gỗ dài ?

Tối ba mươi Tết một năm nọ, Cụ đang ngồi đàm luận về lý số với một người học trò ở xa đến thăm và biếu Cụ lễ vật. Bỗng ngoài cổng có tiếng người gọi mở.

Cụ sai gia nhân ra bảo hãy chờ một chút. Rồi trong khi đó. Cụ và người học trò bám que để thử đoán xem người gọi cổng đi vào có chuyện gì.

Cả hai thầy trò cùng bám vào một que "Thiết đoản, mộc tràng" là sắt ngắn gỗ dài.

Cụ hỏi:

- Vậy anh đoán nó vào đây có việc gì ?

Anh học trò trả lời :

- Thưa thầy, sắt ngắn gỗ dài, theo ý con, người vào đây chắc hẳn là chỉ có mượn "mai" đào đất mà thôi. Chớ ngoài ra không còn cái gì là sắt ngắn gỗ dài nữa.

Cụ cười nói:

- Khác với anh, tôi lại đoán là nó đi vào đây mượn búa.

Nói xong, Cụ cho mở cổng, quả nhiên người ấy vào mượn búa thật.

Anh học trò bị chững người ra vì sự đoán trật của mình.

Cụ giải thích: Như anh bấm quẻ cũng là giỏi, nhưng mức đoán còn thấp. Anh bảo sắt ngắn gỗ dài mà đoán như vậy thì hỏi 30 tết, người ta đến đây để mượn cho nên tôi bảo là nó vào đây để mượn "mai" làm gì vì chỉ mượn búa để về bửa củi nấu bánh chưng mà thôi. Bấm quẻ đã trúng, nhưng khi đoán phải còn có ý thức cơ biến, mới tránh được những sự sai lầm. Người học trò bái phục, xin nhận lãnh những lời chỉ giáo ấy

5. Với anh học trò nghèo: Vớt người được phú quý

Tục truyền Ở làng Trạng có người học trò nghèo tên gọi là Bùi Sinh, một hôm đến hỏi Cụ về kế hoạch làm giàu Cụ hỏi năm, tháng, ngày, giờ sinh của anh rồi bảo:

- Sáng mai anh cứ ra chỗ bờ sông mà đón, hễ gặp cái gì, dầu dơ bẩn đến đâu, anh cũng cứ vớt lên, đừng ngại, rồi anh sẽ giàu đấy. Bùi Sinh từ tạ ra về. Theo lời Cụ dặn, sáng mai vào lúc đúng giờ Dần, anh ta ra ngồi ở mé sông để đợi. Anh vừa ra thì trời nổi giông gió sấm sét âm âm, rồi mưa đổ xuống như trút nước.

Gặp vậy, anh ta đã thối chí, toan chạy trở lại, nhưng nghĩ phải cố gắng xem sao, lời Cụ Trạng nói có linh ứng gì không, âu đây cũng là một cái điềm. Anh ta ráng sức chịu trận, ngồi mãi đến lúc bỗng thấy từ ngoài xa, có một cái thân người chết theo gió và sóng tạt vào bờ, tấp ngay chỗ trước mặt anh ngồi.

Theo lời Trạng, hễ gặp gì vớt nấy thế nên mặc dù cái thân ma ấy đã sinh và trương lên, mùi hôi thối không thể nào chịu được, anh ta cũng cố gắng vớt lên. Khi đem cái thân ma ấy lên bờ thì trời bỗng tạnh mưa, giông gió và sấm sét cũng thôi không gào nữa.

Anh ta xem lại cái tử thi thì là cái xác một người con gái. Cái xác ấy tuy đã sinh nhưng nét mặt vẫn còn đẹp như hoa. Anh ta xem xét quần áo thì ra là một cô gái Tàu. Nàng này không biết là con cái nhà ai, ở đâu xa lạ mà mình đeo rất nhiều ngọc ngà châu báu, trong mình lại có giắt thêm một số vàng bạc đáng kể.

Thấy vậy, anh ta mới lấy số tiền ấy, rồi chôn cất tử tế cho nàng. Chôn xong, anh ta trở về, vừa đi vừa nghĩ, thâm phục Trạng là một vị thánh tiên tri thật. Cách đó chừng nửa tháng, bỗng có giấy ở bên Tàu tư sang cho biết có một bà công chúa đi thuyền ra chơi Nam Hải, không may nửa chừng bị sóng đánh lật tất cả người trong thuyền đều chết, không biết những tử thần có còn và nếu có rạt vào địa phận nước Nam thì làm ơn cho biết, và có ai vớt được chôn cất tử tế dâng hoàng, thư sang Thiên Triều sẽ trọng thưởng. Thì ra cái tử thi người con gái mà Bùi Sinh vớt ấy, chính là cái xác của công chúa nước Tàu vậy.

Nhận được thư, nhà vua nước ta rao truyền các nơi. Bùi Sinh bèn đem việc tâu lên. Tin ấy truyền sang đến Trung Hoa, vua Tàu cho người sang xem xét thì quả thật như vậy. Ấy thế là Bùi Sinh được vua nước Trung Hoa thưởng không biết bao nhiêu là tiền của. Từ một anh học trò nghèo rớt mồng tơi, không có một miếng đất cắm dùi, anh bỗng trở nên một nhà cự phú nhất vùng. Câu chuyện này đồn đi, tiếng Trạng Trình là một nhà tiên tri lại nổi lên như cồn. Sĩ tử các nơi nô nức đến theo học cũng như thiên hạ đua đến để hỏi về những việc tương lai.

6. Với người làng: Ngựa đá sang sông

Dân miền Vĩnh Lại - nơi quê hương Trạng - hiếu học và trọng việc khoa cử. Nhưng học thì rất nhiều mà đỗ đạt thì ít, chẳng có mấy người được làm nên những sự nghiệp lớn lao, trong khi các miền xung quanh, phát tích không biết bao nhiêu là anh hùng hào kiệt, văn thì tiến sĩ hoàng giáp, võ thì đô đốc, quận công.

Thấy thế, dân miền Vĩnh Lại cũng nghĩ lấy làm tức. Các sĩ tử mới rú nhau đi đến hỏi Trạng xem ra thế nào. Nhưng cụ không trả lời, bảo đó là thiên cơ bất khả lậu.

Người ta cũng không hài lòng về điếm ấy của Cụ, chẳng những thế lại còn cho Cụ là một người thâm hiểm, sai biết mà không chỉ. Nghe phong phanh tin ấy, Trạng bèn làm một con ngựa bằng đá để ở bên này sông Vĩnh Lại. Trên lưng con ngựa, Cụ cho thợ khắc hai câu thơ chữ nho:

"Hà thời thạch mã độ giang,

Thử thời Vĩnh Lại nghinh ngang công hầu"

Và hai câu chữ nôm dịch lại ý nghĩa hai câu chữ nho trên:

"Bao giờ ngựa đá sang sông,

Thì dân Vĩnh Lại quận công cả làng",

Khi con ngựa đá được dựng trên bờ sông, mọi người đều tụ tập xem. Và dân làng Vĩnh Lại đời này qua đời khác ngong ngóng đón xem chừng nào con ngựa đá sang sông, xem làng có thể phát toàn đô đốc, quận công không. Cũng có người cho đó là ý cụ bảo cho dân làng Vĩnh Lại biết rằng đây là một việc không bao giờ có được, cũng như câu tục ngữ:

"Bao giờ rau diếp làm đình,

Gỗ lim ăn ghém thì mình lấy ta".

Rau diếp bao giờ làm đình được, gỗ lim bao giờ ăn ghém được mà hòng tính chuyện trăm năm, cũng như ngựa đá bao giờ mà lội sang sông được, mà hòng những chức như quận công, đô đốc.

Ngày qua tháng lại, con sông Vĩnh Lại mỗi ngày một lở thêm để bồi sang bên kia, thâm thoát đến cuối đời Hậu Lê thì con ngựa đá không biết chạy mà sang qua sông thật. Sở dĩ có việc ấy là do bờ sông hai bên bồi lở mà thay đổi.

Tới chừng này, dân làng Vĩnh Lại mới nhao lên chờ đón tin mừng, mọi người đều hy vọng một chức quận công hay đô đốc sẽ tới cho đời mình. Dân các làng khác nghe tin cũng góp cho dân làng Vĩnh Lại. Uy tín Cụ Trạng Trình đến đây lại sống lại và đồn đi khắp nơi. Đâu đâu cũng thấy bàn tán về chuyện con ngựa đá ở bờ sông Vĩnh Lại. Con gái các nơi thi nhau mà về làm dâu làng Vĩnh Lại, trong bụng thầm mong rằng rồi mình cũng sẽ trở nên bà đô đốc hay bà quận công. Trai làng Vĩnh Lại ngang tàng lên mặt, trai các làng khác không ai dám động tới ngại rằng lỡ ra nay mai các cậu làm nên thì coi

chừng mà toi com.

Đang khi như vậy thì cuộc chiến tranh giữa Tây Sơn và chúa Nguyễn ở trong Nam nổ ra. Không bao lâu quân Tây Sơn thắng trận, tiêu diệt chúa Nguyễn rồi thừa thắng đem binh ra diệt luôn chúa Trịnh ở Bắc. Tây Sơn trả lại quyền cho nhà Lê. Vua nhà Lê từ đó thoát khỏi nạn chúa Trịnh chuyên quyền. Nhưng sau khi vua Hiền Tông mất, vua Chiêu Thống lên ngôi, dòng dõi của Trịnh lại trở về. Nhà vua phải mật triệu Nguyễn Hữu Chỉnh ở Nghệ An ra giúp. Chỉnh đem binh ra đánh đuổi và dẹp tan đám con cháu của Trịnh còn sót lại. Nhưng Chỉnh lại chuyên quyền và ra mặt chống với Tây Sơn.

Nguyễn Huệ thấy vậy liền sai tướng là Vũ Văn Nhậm đem binh ra đánh Chỉnh, Quân Nhậm tiến gần Thăng Long, Chỉnh đem vua chạy trốn. Nửa đường Chỉnh bị quân Nhậm bắt sống. Còn vua thì thoát nhưng phải giả dạng là thường dân mang ấn tín trong mình mà chạy.

Tướng Tây Sơn cho binh mã rượt theo. Nhà vua phải qua sông Vĩnh Lại và ở lại làng này.

Dân làng Vĩnh Lại thấy thế cho là điềm trời xui khiến, mới rước vua về đình và thảo hịch chiêu mộ quân sĩ để chống với Tây Sơn. Sẵn thấy ấn tín của nhà vua đem theo, dân làng liền bức nhà vua phải ký giấy phong tước cho mình. Tội nghiệp cho nhà vua, lúc đó còn thế lực và quyền uy gì nữa đâu, lại ở trong tay người làng Vĩnh Lại. Thôi thì cung điện ngai vàng còn chả tiếc được, hưởng chi là những chức nọ tước kia! Nhà vua đành cũng phải chiều lòng. Người này được, người kia cũng tới xin tới đòi. Ấy thế là chỉ nội mấy đêm, mấy ngày, bao nhiêu các cụ các đình tráng trong làng đều người thì quận công, kẻ thì đô đốc chỉ trừ mấy kẻ chưa đến tuổi trưởng thành là chịu làm bạch đình. Lại cả bao nhiêu các bà cũng đều được phong chức phu nhân.

Phong tước xong, nhà vua từ giả để chạy sang nơi khác. Thế là dân làng Vĩnh Lại chỉ nội trong mấy ngày đã thành quận công, đô đốc hết, và toàn thể dân đình trong làng đều đứng dậy để phù nhà Lê chống lại với Tây Sơn

Nghे tin, tướng Vũ Văn Nhậm liền đem quân tràn sang. Dân làng Vĩnh Lại chống cự không được, bao nhiêu đô đốc, quận công đều bị giết hoặc bị bắt. Tai họa xảy ra cho cả làng, với bao nỗi thảm thương.

7. Với chúa Nguyễn : HOÀNH SƠN NHẤT ĐÁI, KHẢ DĨ DUNG THÂN

Sau khi nhà Lê bị Mạc Đăng Dung chiếm ngôi, Nguyễn Kim con Nguyễn Hoàng Dụ, một võ tướng đến Lê Chiêu Tông trốn sang Lào, được vua Lào cho nương náu ở xứ Cẩm Châu thuộc trấn Nam Phủ, tỉnh Thanh Hoá. Năm Quý Tỵ (1532), Kim lập con út vua Chiêu Tông lên làm vua, gọi là vua Trang Tông.

Trong việc mưu đồ đại sự, Kim thu nạp một kiện tướng thảo dã anh hùng ở tỉnh Thanh Hoá: Trịnh Kiểm.

Năm Canh Tý (1540) Nguyễn Kim tiến đánh Nghệ An, Hai năm sau, quân Trang Tông tiến ra Thanh Hoá, rồi năm sau nữa (1543), Kim nắm hẳn được Nghệ An và thu phục được cả Tây Đô (Thanh Hoá). Năm ất Ty (1545) Nguyễn Kim ngộ độc, mất. Bình quyền về tay Trịnh Kiểm.

Bây giờ, Việt Nam chia hai: Từ Sơn Nam đổ ra thuộc ảnh hưởng nhà Mạc, gọi là Bắc Triều; từ Thanh Hoá trở vào là khu vực nhà Lê hay Nam Triều.

Trịnh Kiểm thay Nguyễn Kim, giúp nhà Lê Trung hưng, nắm trọn quyền bính trong tay. Vì tính đa nghi, Trịnh Kiểm đã giết em vợ là Nguyễn Uông. Nguyễn

Hoàng, em Nguyễn Uông, con Nguyễn Kim, sợ bị hại, sai người đến hỏi kế Cụ. Cụ chỉ đàn kiến ở hòn non bộ, mỉm cười nói:

“Hoành Sơn nhất đái, khả dĩ dung thân”(1)

Nghĩa là Hoành Sơn một dải, có thể dung thân.

Theo lời, Nguyễn Hoàng xin đi trấn thủ Thuận Hoá phía Nam dãy Hoành Sơn. Quả nhiên mỗi ngày một thịnh, đề rồi mở mang ra cơ nghiệp nhà Nguyễn, truyền nối lâu dài...

8. Với nhà Mạc: CAO BẰNG TUY THIÊU KHẢ DIÊN SỔ THỂ

Từ khi có bộ sách Thái ất Thần Kinh, cụ Trạng thông suốt những điều huyền vi của trời đất, Cụ nổi tiếng và khoa Lý số. Lúc bấy giờ Mạc Đăng Dung đã đoạt ngôi nhà Lê và lập ra nhà Mạc. Cụ suy đoán biết nhà Lê sớm muộn thế nào cũng trung hưng. Cụ ẩn dật, làm nghề dạy học để đợi khoa nhà Lê. Nhưng sau bất đắc dĩ Cụ phải ra dự thi khoa nhà Mạc vì lúc đó tuổi đã ngoài bốn mươi.

Cụ thi Hương đỗ giải nguyên năm 44 tuổi và thi Đình đỗ Trạng Nguyên năm 45 tuổi, niên hiệu Đại chính, đời vua Mạc Đăng Doanh.

Thi đỗ Trạng Nguyên, cụ được nhà Mạc cử làm Tả thị Lang, Đông các Đại học sĩ và gia phong đến chức Trình Tuyên Hầu. Làm quan được 8 năm, thấy triều Mạc lúc bấy giờ không hợp mà cũng không xứng đáng cho Cụ khuôn phò, nên Cụ cáo quan về nghỉ.

Về làng, Cụ lập ra một cái Am gọi là Am Bạch Vân và lấy hiệu là Bạch Vân cư sĩ. Ở đây, Cụ sống một cuộc đời thanh nhàn ẩn dật, thường ngày cùng các vị sư hoặc chèo thuyền ôi xem đánh cá ở Hồ Hải, úc Hải, hoặc đi lên những nơi thắng cảnh như Yên Tử, Ngọa Vân, Kính Chủ, và Đồ Sơn, v v

Trong những ngày ngao du sơn thủy này, Cụ còn để lại hai câu thơ:

"Ngư ông bất ngộ Đào nguyên khách,

Khởi thức hưng vong thế cổ kim".

Nghĩa là người đánh cá, không gặp khách nguồn đào, sao biết được sự hưng vong của cuộc thế xưa nay. Ngụ ý nói mình hiện nay là một kẻ đã lánh xa cuộc thế, cũng như anh chàng đánh cá xưa kia đã tới chốn nguồn Đào.

Ngoài việc ngao du sơn thủy, cụ còn tu bổ các chùa chiền, và làm một cây cầu hóng mát ở trên sông Tuyết Giang để cùng các học trò ra đó nghỉ ngơi và đàm luận. Vì thế, khi Cụ mất đi, mới có tên thủy

của các môn sinh đặt tôn là Tuyết Giang Phu tử.

Cụ tuy từ quan về ẩn dật, nhưng nhà Mạc vẫn kính như một bực thầy, thương cho sứ đến hỏi, mỗi khi có việc quan trọng. Với lòng vô tư, Cụ cũng giúp cho nhà Mạc được nhiều việc. Sau Mạc lại phong cho Cụ chức Lại bộ Thượng thư, Thái phó Trình quốc công, nên người đời mới gọi là Trạng Trình.

Người bên Trung Quốc cũng nghe danh và có câu:

“An Nam lý học hữu Trình Tuyền”

Nghĩa là ông Trình Tuyền (chỉ Nguyễn Bình Khiêm) là nhà lý học nổi tiếng ở nước Nam.

Vì thế chẳng những vua tôi nhà Mạc thường thỉnh ý Cụ mà ngay trên cả các chúa Trịnh và chúa Nguyễn cũng thế.

Khi Trạng bị bệnh nặng, vua Mạc Mậu Hợp sai con đến thăm cu và hỏi về kế hoạch sau này. Cụ bảo:

Cao Bằng tuy thiếu, khả diên sở thế (đất Cao Bằng tuy nhỏ hẹp cũng dung thân được vài đời).

Nhà Mạc nghe dặn, khi thất thế chạy lên chiếm cứ Cao Bằng. Quả nhiên làm vua được vài đời nữa, trước sau cả thấy được gần 70 năm mới bị nhà Lê đánh bại hẳn.

9. Với chúa Trịnh: “LÊ TỒN, TRỊNH TẠI; LÊ BẠI, TRỊNH VONG”

Lúc bấy giờ nhà Lê đã trung hưng, dùng căn cứ ở miền Thanh Nghệ tiến mạnh ra kinh đô. Trịnh Kiểm cho người đến vấn kế: "Hưng Lê diệt Mạc" với Cụ. Cụ không đáp chỉ sai người nhà rút chiếc chiếu ra sân. Sứ giả về tâu, cả triều thần không ai hiểu gì cả. Chúa Trịnh phải vời Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan đến đoán giúp. Trạng Bùng đoán rằng “Tịch quyền trường khư” nghĩa là phải đánh mau lẹ như cuộn chiếu vậy. Chúa Trịnh theo lời mở cuộc phản công, nhà Mạc thua thất diên bát đảo.

Vua Trang Tông không có người kế tự theo dòng đích tôn của vua Thái Tổ, Trịnh Kiểm bây giờ nắm giữ hết mọi quyền hành, tính tự lập làm vua nhưng còn do dự vì chưa chắc được lòng người nên bí mật phái sứ giả ra Hải Dương hỏi ý kiến Cụ Trạng Nguyễn Bình Khiêm.

Cụ trả lời gián tiếp bằng cách ngánh bảo đầy tớ rằng:

“Năm ngoài mất mùa, thóc giống không tốt, đi tìm giống cũ mà gieo mạ”.

Rồi Cụ lại sai đầy tớ ra bảo tiểu quét chùa và dâng hương để Cụ ra chơi. Cụ bảo tiểu:

“Giữ chùa, thờ Phật thì được ăn oản”.

Sứ trở về thành thuật lại từng lời nói, từng cử chỉ của cụ Trạng Trình, Kiểm hiểu nên không thi hành dự định cưỡng ngôi nhà Lê nữa, rồi tìm được người cháu truyền tông ông Lê Trừ là anh ruột vua Thái

Tổ, tên là Duy Bang, Ở làng Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hoá đem về lập làm vua.

Về sau con cháu chúa Trịnh nhiều lần muốn đoạt ngôi vua Lê, nhưng cụ đều khuyên can khéo:

“Lê tôn, Trịnh tại; Lê bại, Trịnh vong”.

Tuy nhà Lê suy nhược, nhà Trịnh tóm thâu mọi quyền hành nhưng không có Lê, Trịnh không đứng vững được. Quả nhiên, đời vua Chiêu Thống ngai vàng Lê mất thì dòng Trịnh cũng chẳng còn ngôi chúa nữa.

Giai thoại sau khi Trạng mất:

1. Cha con thằng Khả

Sau khi Trạng mất, Ở làng Cổ Am có đền thờ Cụ. Một hôm ở trong làng có cha con thằng Khả đi bắt chuột ở bên ngôi mộ Cụ vô ý làm đổ tấm bia trên mộ. Dân làng thấy thế mới bắt về đình rồi phạt ba quan tiền vì khi tấm bia đổ xuống thấy có hàng chữ ở sau:

Cha con thằng Khả

Đánh ngã bia tao

Làng xóm xôn xao

Bắt đền tam quán.

Cha con thằng Khả chạy đi kiếm mãi cũng chỉ được có một quan tám nhưng dân làng không chịu. Nó cãi rằng:

"Cha con tôi lỡ làm nên Cụ Trạng chê bắt phạt có quan tám. Cụ đã biết trước cha con tôi chỉ chạy được có như thế nên mới nói bắt đền tam quán. Tam quán mà nói lái ra thì thành quan tám chứ không phải là ba quan. Ai đòi nếu không thế sao cả bài không có chữ Nho nào lại dùng hai chữ Nho ở cuối. Theo chúng con thì chữ tam quán là chữ Nôm nói lái mà ra. Dân làng không tin hãy cứ xin âm dương trong đền cụ mà xem".

Vì túng thế, cha con thằng Khả cãi liều như vậy nhưng dân làng nghe cũng có lý mới đi lễ đến cụ xin âm dương thì quả như vậy thật. Cứ xin hoài ba quan mà hai lần vẫn cứ khi thì xấp cả, khi thì ngửa cả. Chỉ tới khi khẩn là quan tám mới được đồng xấp, đồng ngửa mà thôi. Mọi người lại càng tin phục Cụ Trạng.

2. Thánh nhân mắt mù

Khi sắp chết, Trạng có ghi vào gia phả và dặn con cháu rằng:

- Bình sinh ta có một tấm bia đá sẵn và đã sơn kia. Khi ta nhắm mắt rồi, chúng bay phải nhớ, hễ hạ quan tài xuống phải để tấm bia đá ấy lên nắp rồi sẽ lấp đất sau. Hễ khi nào có người lạ đến viếng mộ ta mà nói rằng "Thánh nhân mắt mù" thì phải lập tức mời người ấy về nhà, yêu cầu họ để hương lại ngôi mộ cho ta. Chúng bay phải nhớ và canh chừng, chớ không được cãi cát. Nếu trái lời ta, dòng dõi về sau sẽ suy đồi lụn bại".

Con cháu nghe lời, làm y như đã dặn. Cách đó 50 năm sau, một hôm có một người Tàu đến nhìn ngôi mộ Cụ một lúc rồi nói rằng:

- Cái huyệt ở đặng chân sờ sờ thế kia mà không biết lại tự đem để mả thế này. Vậy mà thánh nhân cái gì đâu, hay là Thánh nhân mắt mù đó. Người trong họ nghe được, chạy về cho ông trưởng tộc hay. Ông này vội vàng ra đón người Tàu kia về nhà, xin để xoay ngôi mộ kia lại. Khi tiếp chuyện, mới hay người này là một nhà phong thủy trú danh ở Trung Quốc vừa sang. Ông ta sờ đi lại đây là muốn được xem di tích của cụ Trạng, vì bấy lâu ông ta vẫn nghe tiếng đồn về Trạng. Khi nghe nói, ông ta sẵn lòng sửa lại ngôi mộ cho, và hiu liu tự đắc cho mình là giỏi hơn Trạng Trình.

- "Với Cụ trạng thực ra chỉ nghe người ta đồn chớ đến nơi được thực mục sở thị, có gì là giỏi đâu".

Ông ta bảo :

Không cần phải đem đâu xa cả, chỉ đào lên rồi xoay lại và nhích đi một chút là được. Ông trưởng tộc cả mừng, tụ họp con cháu lại đưa thầy địa lý Tàu ra để lại ngôi mộ. Khi đào đến tám bia đá, ông thầy Tàu lấy làm lạ, lại sẵn tính hiếu kỳ, ông bảo đem rửa sạch xem có những gì vì khi đó, những lớp sơn cũng đã mục rồi. Con cháu Cụ vì tôn trọng thầy nên cũng phải chiều lòng.

Khi tám bia được rửa sạch đem lên, mới thấy mấy câu thơ sau này hiện ra:

Ngũ thập niên tiền mạch tại đầu,

Ngũ thập niên hậu mạch quy túc,

Hậu sinh nhĩ bôi ná năng tri ?

Hà vị thánh nhân vô nhĩ mục ?

Có nghĩa là :

Ngày nay mạch lộn xuống chân,

Năm mươi năm trước mạch dâng đằng đầu.

Biết gì, những kẻ sinh sau ?

Thánh nhân mắt có mù đâu bao giờ ?

Khi xem tới bài thơ trên đây, ông thầy Tàu lúc đó mới phục Trạng là một vị Thánh thật, tiên tri thật, nếu không, sao biết được những lời mình sẽ nói. Quả thật mình chỉ xứng đáng là học trò Cụ thôi.

3. Cây sà nhà đồ

Cũng khi sắp mất, Trạng có giao cho con cháu một cái ống tre sơn son thếp vàng gắn bút hai đầu và dặn đến đúng năm tháng ấy ngày giờ ấy, phải để cái ống ấy vào kiệu rước lên dinh Tổng Đốc Hải Dương, trao cái ống này cho quan thì sẽ cứu vãn được tình thế gia đình nhưng tuyệt đối không được ai mở xem, trừ quan Tổng đốc.

Cái ông tre ấy truyền đèn người cháu 7 đời cụ, mới rước lên Dinh quan Tổng đốc, đúng vào ngày giờ đã ghi trong gia phả. Khi quan mở ống, thấy một cuộn giấy, ngài rút ra xem thấy có hai câu chữ nhỏ:

Ngã cứu nhĩ thượng lương chi ách,

Nhĩ cứu ngã thất thế chi bản

Nghĩa là :

Ta cứu mày khỏi sà nhà đổ,

Mày cứu ta cháu bảy đời nghèo.

Đang lúc bận việc, quan Tổng Đốc thấy hai câu nói xác xược gọi quan bằng mày ấy, ngài cả giận sẵn cầm chiếc quạt, ngài đứng dậy chạy lại định đánh người cháu Cụ. Nhưng vừa bước khỏi sập, chiếc sà nhà đã từ ngay trên đỉnh đầu đổ rớt xuống đánh rầm một cái. Phúc bảy mươi đời, ngài mới bước ra, nên không sao.

Quan Tổng Đốc lúc đó mới giật mình, hiểu rõ Cụ Trạng đã cứu cho mình khỏi cái chết bất đắc kỳ tử. Quan phải ân cần xin lỗi người cháu Cụ, mời về tư thất thế đãi cơm rượu, rồi đưa một số tiền ra giúp, để cứu vãn cho gia đình con cháu Cụ khi đó đang lâm vào hoàn cảnh cực kỳ túng thiếu.

4. Minh Mạng thập tứ thặng Trứ phá đền

Tục truyền năm Minh mạng thứ 14, quan Doanh Điền sứ là Nguyễn Công Trứ đi khai khẩn ở vùng Hải Dương. Một hôm ông thấy cần thiết phải đào một con sông ở làng Cụ. Nhưng nhật cái nếu đào như ý định, phải phá đền thờ Cụ Trạng đi. Dân làng ra xin không được. Ông Trứ cho là mình vâng mệnh nhà vua, nhà vua lớn hơn còn phong sắc cho bách thần, huống chi là Trạng. Thế rồi, ông ra lệnh cho dân phu phải lập tức phá ngôi đền thờ Cụ để nhường chỗ đào sông.

Khi sai người đào đem bát hương ra, ông Trứ thấy ở dưới bát hương có một tấm bia bằng đá phủ vải điều.

Ông ta sai giở tấm vải ra thì thấy mấy câu sau:

Minh Mạng, thập tứ,

Thặng Trứ phá đền.

Phá đền thờ phải làm đền ,

Nào ai đặng đến Doanh điền nhà bay.

Đọc mấy câu thơ này, Nguyễn Công Trứ sợ toát mồ hôi, liền phải sửa soạn lại đền thờ cho Cụ, và không dám nghĩ đến việc phá đền để đào sông nữa.

5. Biện lại vi vương: Nguyễn Nhạc

Năm Tân Mão (1771), niên hiệu Cảnh Hưng thứ 32 đời vua Lê Hiển Tông, từ một chân tuần biện lại ở Vân Đồn, Nguyễn Nhạc được hai anh em Huệ và Lữ đứng bên chiến đấu trong 7 năm, nhảy một bước lên ngai Thái Đức Hoàng Đế (1778)...

Trong Sám Trạng Trình, đoạn 5, có hai câu:

Hà thời biện lại vi vương

Thử thời Bắc tậ, Nam trường xuất bôn.

Có nghĩa là: khi nào kẻ biện lại làm vua thì đó là lúc miền Bắc mất mà miền Nam cũng phải chạy dài.

Và quả thật, trong lịch sử Việt Nam chỉ có một người từ chức biện lại lên làm vua, đó là Nguyễn Nhạc thì từ đó tình hình Việt Nam xảy ra theo đúng lời sấm nói trên. Đó là cuộc chiến tranh giữa Tây Sơn và chúa Nguyễn ở trong Nam nổi dậy. Không bao lâu quân Tây Sơn thắng trận, tiêu diệt chúa Nguyễn rồi thừa thắng đem binh ra diệt luôn chúa Trịnh ở Bắc, Tây Sơn trả lại quyền cho nhà Lê. Vua nhà Lê từ đó thoát khỏi nạn chúa Trịnh chuyên quyền. Nhưng sau khi vua Hiển Tông mất, ra Chiêu Thống lên ngôi, dòng dõi chúa Trịnh lại trở về. Nhà vua phải mật triệu Nguyễn Hữu Chỉnh Ở Nghệ An ra giúp. Chỉnh đem binh ra đánh đuổi và dẹp tan đám con cháu chúa Trịnh còn sót lại. Vua Chiêu Thống giữ Chỉnh Ở lại để giúp mình. Nhưng Chỉnh lại chuyên quyền và ra mặt để chống với Tây Sơn.

Nguyễn Huệ thấy vậy liền sai tướng là Vũ Văn Nhậm đem binh ra đánh Chỉnh. Quân Nhậm tiến gần Thăng Long. Chỉnh đem vua chạy trốn. Nửa đường Chỉnh bị Nhậm bắt sống. Còn vua thì thoát nhưng phải giả dạng là thường dân giấu ẩn tén trong mình để chạy... Trong thời "biện lại vi vương" không những miền Bắc bị diệt, mà miền Nam cũng phải bôn ba chạy trốn, không những chạy trốn một lần mà là nhiều lần. Dòng sử sau đây cho ta biết về điều đó:

"Ngay lúc đầu chúa Nguyễn bị quân Trịnh do tướng Hoàng Ngũ Phúc đuổi phải chạy vào Quảng Nam nương náu chưa được vài tháng ở Bến Ván; tại đây chúa lập cháu là Nguyễn Phúc Dương lên làm Đông cung để lo khôi phục và phòng xa nếu mình bị rủi ro đã có người kế vị ngay cho kịp với thời cuộc. Tây Sơn vẫn tiến lên, quân Bắc vẫn đi xuống, chúa Nguyễn bị kẹt giữa hai gọng kìm, trốn tránh vào Trà Sơn sau rút phải cùng cháu là Nguyễn Phúc ánh xuống thuyền chạy về Gia Định...".

6. Đầu cha lộn xuống chân con : Vua Quang Trung và Vua Cảnh Thịnh

Khố 3 của bài sấm có 4 câu:

Chấn cung xuất nhật

Đoài cung vẫn tinh

Phụ nguyên trì thống

Đế phé vi dinh

Nghĩa là:

Mặt trời mọc ở phương Đông

Ngôi sao sa ở phương Tây

Họ Nguyễn làm vua

Vua bị rút xuống làm dân thường

Theo bát quái thì Chấn thuộc về người trên. Ý muốn nói người anh nhà họ Nguyễn tức Nguyễn Nhạc sẽ dấy nghiệp. Sao sa ở phương Tây ý nói nhà Tây Sơn xuất hiện.

Sau đó là khổ 5 đã nói ở bài trước về Nguyễn Nhạc đề rồi chuyển sang khổ 7 với 2 câu:

Bao giờ trúc mọc qua sông

Mặt trời sẽ lại đỏ hồng phương Tây

Hai câu này ứng với việc Tôn Sĩ Nghị đem quân sang cướp nước ta. Khi quan sông Nhị Hà, Nghị chia đồn đóng ở những bãi cát rộng lại sai làm cầu phao ở trên sông để đi lại cho tiện. Trúc mọc qua sông là nói cầu phao làm bằng tre vậ. Chính sau trận Đống Đa lịch sử, Tôn Sĩ Nghị phải kéo quân qua cầu phao sông Nhị Hà này "xô đè lên nhau mà chết, thây xác gây nội nghẽn sông" mà Nguyễn Huệ đã mở ra một triều đại mới của nhà Tây Sơn ứng với hai câu:

Bao giờ trúc mọc qua sông

Mặt trời sẽ lại đỏ hồng phương tây.

Đến khổ 8 là:

Đoài cung một sớm đổi thay

Chấn cung sao cũng sa ngay chẳng còn

Dầu cha lộn xuống chân con

Mười bốn năm tròn hết số thì thôi.

Ý nói Nguyễn Nhạc suy yếu, Nguyễn Huệ nổi lên (trong kinh dịch, Đoài Cung là phương Tây chỉ em còn Chấn cung là phương Đông chỉ người anh). Chữ Quang (trong Quang Trung) có chữ tiểu Ở trên, còn chữ Cảnh (trong Cảnh Thịnh) lại có chữ tiểu ở dưới. Cảnh Thịnh là niên hiệu của Nguyễn Quang

Toàn (con vua Quang Trung). Hai đời này vừa được mười bốn năm vì thế mới có câu: Đầu cha lộn xuống chân con Mười bốn năm tròn hết số thì thôi.

7. Chim Bằng cất cánh: Nguyễn Hữu Chỉnh

Mở đầu khổ 7 là hai câu thơ:

“Chim Bằng cất cánh về đâu?

Chết tại trên đầu hai chữ Quận Công”

Nguyễn Hữu Chỉnh, một danh tài đất Bắc Hà thường tự hào và cho rằng: "Nhân tài xứ Bắc chỉ có một mình tôi". Nguyễn Hữu Chỉnh thường ví mình có chí cả như chim Bằng. Người đương thời gọi là “Cổng Chỉnh”.

Lúc đầu Nguyễn Hữu Chỉnh đến làm thuộc hạ của Hoàng Ngũ Phúc, một viên lão tướng đại tài của chúa Trịnh. Sau khi Ngũ Phúc mất, Chỉnh lại theo con nuôi của Phúc là Hoàng Đình Bảo, phò Trịnh Cán (con thứ của Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm và thứ phi Đặng Thị Huệ, tục gọi là bà Chúa Chè). Phủ chúa Trịnh có loạn Kiêu binh, phế Trịnh Cán, giết Hoàng Đình Bảo, lập Trịnh Khải lên ngôi chúa, Nguyễn Hữu Chỉnh liền bỏ Trịnh sang đầu Tây Sơn, và dâng lên vua Tây Sơn bài sách “Phù Lê diệt Trịnh”.

Nhờ bài sách này mà nhà Tây Sơn đã áp dụng một chiến thuật mềm dẻo, đưa đất Bắc Hà sang một khúc quanh lịch sử quan trọng.

Sau khi diệt được quân của chúa Trịnh, Nguyễn Huệ đem các thuộc hạ như Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm... vào cung Văn Thọ vấn an vua Lê. Vua Lê phong cho Nguyễn Huệ làm chức Nguyên Soái Dục chính Phù Vân Uy Quốc Công, Nguyễn Huệ có ý bất mãn, nhưng nhờ Nguyễn Hữu Chỉnh khéo léo nên Nguyễn Huệ nguôi cơn giận. Vua Lê lại đem người con gái út là Ngọc Hân Công Chúa lúc bấy giờ mới mười sáu tuổi, tài sắc vẹn toàn, lại có tài văn chương thi phú gả cho Nguyễn Huệ.

Vua Lê mất, Nguyễn Huệ tôn cháu là Hoàng Tôn Lê Duy Kỳ được ngôi vua lấy hiệu là Chiêu Thống. Khi quân Tây Sơn rút về Nam, nghe theo đề nghị của Vũ Văn Nhậm (Nhậm thường hay ghét Nguyễn Hữu Chỉnh về tính tình kiêu căng tự phụ), Nguyễn Huệ bỏ Chỉnh lại đất Bắc. Chỉnh hoảng hốt đem gia nhân chạy theo quân của Nguyễn Huệ. Đến Nghệ An, Chỉnh bắt kịp đạo quân của Nguyễn Huệ, Nguyễn Huệ tìm cách vỗ về Chỉnh và khuyên nên ở lại Nghệ An để phòng mọi bất trắc của dân tình đất Bắc Hà, nhưng bên trong lại ngầm truyền lệnh cho Vũ Văn Nhậm theo dõi mọi hành động của Chỉnh, vì Nguyễn Huệ biết trước sau gì Chỉnh cũng mưu phản. Chỉnh không theo sát được Bắc Bình vương Nguyễn Huệ, biết mình đã bị bỏ rơi, tiến thoái lưỡng nan. Tuy nhiên, Chỉnh vốn là tay mưu trí giỏi, tìm những người tài trí lưu vong, quyết tâm tích thảo đồn lương, gây thanh thế để chiếm đất Nghệ An, gặp lúc vua Lê Chiêu Thống bị con cháu của chúa Trịnh là Trịnh Bồng, thừa kế tiên phụ giữ chức Ấn Đô Vương áp bức. Vua Chiêu Thống liền phái sứ giả vào triệu Nguyễn Hữu Chỉnh ra dẹp loạn Bắc Hà. Cơ hội ngàn năm một thuở đã đến, Chỉnh ra đất Bắc dẹp được yên Trịnh Bồng và được vua Lê phong chức Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự Đại Tư Đồ Bằng Trung Công.

Chỉnh lại chiếm Trịnh phủ làm Đại bản doanh, xin vua Lê phong cho con là Nguyễn Hữu Dụ làm Thế tử cắt đặt những tay chân bộ hạ vào những chức vụ trong triều Lê và ngoài các biên trấn. Các quan lại thuộc hạ của Chỉnh lại tâu vua Lê phong cho Chỉnh tước Nhất Tự Công, được mở phủ quân Võ Thành, đúc ấn riêng và lập Khu mật viện. Khi đã nắm trọn binh quyền trong tay, Chỉnh bắt đầu quyết đoán mọi việc, không thèm hỏi ý kiến vua Chiêu Thống. Thế là vua Lê vừa thoát được nạn Trịnh Bồng lại lọt vào tay lòng thần Cống Chỉnh. Đất Bắc Hà lại một phen nữa khổ sở lầm than, vua Lê làm bù nhìn chỉ còn biết âm thầm đau khổ.

Vũ Văn Nhậm được mật lệnh của Bắc Bình Vương theo dõi mọi hành động của Chỉnh, rồi mật tấu về Nam. Nguyễn Huệ, sau khi hội nghị quân sự tại Quảng Nam đã nêu lên các tội tình của Chỉnh như họ Trịnh ngày trước ôm chân vua Lê mà lộng quyền. Thế là Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ ra lệnh cho các tướng như Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân ra Nghệ An hợp với Vũ Văn Nhậm mở cuộc Bắc phạt bắt Nguyễn Hữu Chỉnh tử tội. Nguyễn Hữu Chỉnh bị bại trận và bị bộ tướng của Vũ Văn Nhậm là Nguyễn Văn Hoà bắt được tại núi Tam Tầng, thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chỉnh bị bỏ vào cũi mang về Thăng Long nạp cho Vũ Văn Nhậm. Riêng con của Chỉnh là Nguyễn Hữu Dụ bị bắt và bị chặt đầu ngay tại chỗ.

Còn Nguyễn Hữu Chỉnh thì bị Vũ Văn Nhậm phanh thây, thế là: Chim Bằng đã gãy cách, sau những ngày hưởng thụ vinh sang tột đỉnh, đúng theo lời tiên tri của Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm: “Chết tại trên đầu hai chữ Quận Công”.

8. Tin dê lại mắc phải mỗi đàn dê: Nhà Nguyễn

Khổ 9 bắt đầu bằng hai câu :

“Phụ Nguyên chính thống hẳn hoi

Tin dê lại mắc phải mỗi đàn dê”

Theo chiết tự thì đầu chữ phụ ghép với chữ Nguyên thành chữ Nguyễn. Ở đây muốn nói đến nhà Nguyễn: Khi Nguyễn ánh (Gia Long) nhờ Bá Đa Lộc cầu viện nước Pháp là đã làm cho người Pháp chú ý đến Việt Nam và thực chất là cửa đã mở để cho tư bản Pháp tràn vào Việt Nam. Dê đây chính là Dương nhân (người Tây Dương). Và từ đó dần dần nhà Nguyễn cũng mất chủ quyền về tay người Pháp.

Bốn câu của khổ 10 :

"Để loài bạch quý Nam xâm

Làm cho trăm họ khổ trăm lưu ly

Ngai vàng gặp buổi khuynh nguy

Gia đình một ở ba đi dần dần".

Hai câu đầu ám chỉ việc thôn tính của người Pháp ở Việt Nam (Bạch quý: bọn quý da trắng) làm cho dân chúng muôn vàn khổ sở. Hai câu tiếp theo là nói vương quyền nghiêng ngả, khuyh nguy.

Dẫn đến việc trong bốn vị vua của nhà Nguyễn thời bấy giờ chỉ còn một người được tại vị yên ổn còn ba người kia bị mất ngôi, xa xứ, lưu đày. Đó là các vua Hàm Nghi bị đày sang Algérie, Thành Thái và Duy Tân bị đày sang đảo Réunion, chỉ còn lại một mình Khải Định ở lại làm vua kế nghiệp nhà Nguyễn ứng với câu: gia đình một ở ba đi dần dần.

Trở lại hai câu sau của khổ 9 :

"Phục lòng Chính chích u mê

Thập trên tứ dưới nhất đề chữ tâm".

Theo chiết tự thì chữ Đức gồm có chữ thập ở trên, dưới là chữ tứ, dưới nữa là chữ nhất trên chữ tâm. Kết hợp với chữ Dục ở đầu câu trên ở đây người ta cho rằng nói về vua Dục Đức.

Theo lịch sử, Vua Tự Đức không có con trai, nuôi ba người cháu làm con nuôi: Dục Đức, Chánh Mông, Dưỡng Thiện. Tờ di chiếu nói lập Dục Đức nối ngôi và cử Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết làm phụ chính.

Trong di chiếu có một đoạn rằng Dục Đức mắt có tật, tính ham chơi, e không được việc lớn, những nước cần phải có vua lớn tuổi nên phải lập con trưởng. Trong ngày cử lễ tấn tôn, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết vịn vào câu đó mà truyền bãi châu để định đoạt lại. Ba hôm sau lại thiết triều, Nguyễn Văn Tường tuyên bố phế Dục Đức. Triều đình không ai dám nói gì, duy có Ngự Sử Phan Đình Phùng đứng lên phản đối thì liền bị Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết bắt giam và cách chức đuổi về.

Em ruột vua Tự Đức là Lạng Quốc Công Hồng Dật được lập lên làm vua, niên hiệu là Hiệp Hoà: Dục Đức thì bị đem giam một nơi, về sau không được ăn uống gì mà chết.

9. Rời mộ cha

Có giai thoại kể rằng: Tổng đốc Hải Dương có lần về thăm quê Trạng Trình. Trong lúc đi dọc sông Tuyết Giang, thấy có ngôi mộ lớn đang có nguy cơ sụp lở, quan xem xét cẩn thận mới biết là mộ của thân phụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

Vị quan Tổng đốc hết sức ngạc nhiên bởi Trạng Trình là thầy lý số hàng số 1 mà sao lại đặt mộ bố ở chỗ thế này, ông bèn bàn bạc với con cháu Trạng Trình và quyết định di dời lại ngôi mộ vào chỗ khác, ngầm ý muốn sửa lại lỗi xưa của Trạng Trình. Nào ngờ khi đào đến gần hộp quách, phát hiện thấy có tảng đá lớn, lật lên xem thì thấy tấm bia khắc hai dòng chữ: “Bát thập niên tiền khi chung vũ tả/Bát thập niên hậu khí nhập ư trung”, nghĩa là: Tám mươi năm trước khí tốt bên trái/Tám mươi năm sau khí tốt rời vào trong!

Giai thoại ứng với thời cuộc thế kỷ 20:

1. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái

Trong những suy đoán của người sau về Sấm Trạng ứng với các sự kiện của thế kỷ 20 thì có lẽ các khổ thơ 11,12 là nổi tiếng hơn cả :

Khổ 11

Kìa kìa gió thổi lá rung cây

Rung Bắc rung Nam, Đông tới Tây

Tan tác KIẾN kiều AN đất nước

Xác sơ CỎ thụ sạch AM mây.

Khổ 12

LÂM giang nổi sóng mù THAO cát

HUNG địa tràn dâng Hoá nước đầy

Một ngựa một YÊN ai sùng BÁI

Cha con nhà VĨNH BẢO cho hay.

Người ta liên hệ hai khổ sau này với cuộc cách mạng võ trang của Việt Nam quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo tại các địa điểm sau:

- Ở Yên Bái do Nguyễn Thị Giang tổ chức bằng cách giả làm người buôn bán và bắt bình với cai Thiết đề sau đó tổ chức Binh đoàn Yên Bái tấn công vào thành Yên Bái của Thiếu tá La Taron đêm 9-3-1930.

- Cũng trong đêm nói trên, tư lệnh chiến khu Một (gồm Hà Nội, Hà Đông, Kiến An, Hải Phòng) là Nguyễn Khắc Nhu tiến đánh Lâm Thao rồi Phú Thọ, Hưng Hoá, Sơn Tây.

- Đồng thời Ở huyện Vĩnh Bảo, Trần Quang Diệu đến huyện lỵ vào 10 giờ đêm hôm đó vờ cho tri huyện sở tại là Hoàng Gia Mô hay tin khởi nghĩa để tên này sợ hãi cùng lính hầu lên ô tô chạy về Hải Dương, vừa rời khỏi huyện hai cây số đã bị chi đội cách mạng do Đào Văn Thế cầm đầu chặn lại giết chết. Vì Trần Quang Diệu quê Ở Cổ Am nên sau đó, năm máy bay của Pháp đã đến ném bom triệt hạ làng này.

Người ta cho rằng chính trong khi triệt phá làng Cổ Am đã tìm thấy quyển sấm của Cụ Trạng.

Cũng có người liên hệ hai câu cuối với cha con nhà Nguyễn lúc bấy giờ là Vĩnh San (Khải Định) và Bảo Đại để giải thích câu: cha con nhà **VĨNH BẢO** cho hay !

2. Đại chiến thế giới thứ 2

Long Vĩ xà đầu khởi chiến tranh

Can qua xú xú khổ đao binh

Mã đề dương cước anh hùng tận

Thân dậu niên lai kiến thái bình

Hai câu đầu ứng với cuộc Đại chiến mở rộng vào cuối năm Rồng (Canh Thìn - 1940), đầu năm Rắn (Tân Tị - 1941). Nhân dân đau khổ do cuộc chiến :

Đuôi rồng, đầu rắn nổi chiến tranh

Khấp hoà thiên hạ khổ đao binh.

Hai câu sau : Đến tháng 1 năm 1943 (cuối năm Ngọ) Liên Xô mở cuộc phản công ở Stalingrat rồi sang đến cuối năm Mùi, phát xít Hitle bắt đầu núng thế :

Móng dê, chân ngựa, anh hùng tận

Để kết thúc bằng chiến thắng của phe Đồng minh đưa lại hoà bình cho toàn thế giới vào cuối năm Giáp Thân đầu năm Ất Dậu (1945) :

Thân Dậu rồi ra mới Thái Bình !

3. Cách mạng Tháng tám - 1945

Khổ 41 hai câu cuối :

Đầu thu gà gáy xôn xao

Mặt trăng xua sáng tỏ vào Thăng Long

Đầu thu là tháng 7 âm lịch tức tháng 8 dương lịch năm gà tức là ất Dậu 1945 thì Cụ Hồ về Hà Nội: Mặt trăng xua tức là Cổ nguyệt theo chiết tự chữ cổ và chữ nguyệt thành chữ Hồ. Cụ Hồ về đất Thăng Long vào ngày 26/8/1945 tức là 19/7 năm ất Dậu.

Tiếp đó là hai câu :

Chó kêu âm ỉ mùa đông

Cha con, Nguyễn lại bé bông nhau đi

Đây là năm 1946 Bính Tuất, Bảo Đại lợi dụng chuyển sang Trùng Khánh và đi thẳng theo Pháp không quay trở lại nữa.

Cuối khổ 28, đầu khổ 29 là bốn câu cung được liên hệ với việc Bảo Đại thoái vị năm 1945.

Đến thời thiên hạ vô quân

Làm vua chẳng dễ làm dân chẳng lành

Gà kêu khi dậy cho nhanh

Phụ nguyên số đã rành rành cáo chung.

Năm 1945 Bảo Đại thoái vị nguyện làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua nô lệ nhưng rồi đâu có được : đúng là thiên hạ vô quân, làm vua chẳng dễ làm dân chẳng lành.

Và tiếp theo là hai câu nói đến việc kết thúc triều đại nhà Nguyễn vào năm 1945: cuối năm Thân chuyển sang năm Dậu tức là đầu năm 1945 thì nhà Nguyễn cáo chung (Phụ nguyên theo chiết tự là chữ Nguyễn).

4. Tiên tri về giải phóng Thủ Đô 1954

"Cửu cửu càn khôn dĩ định

Thanh minh thời tiết hoa tàn

Trục đảo dương đầu mã vĩ

Hồ binh bát vạn nhập Trang An."

Càn khôn dĩ định, số trời đã định: 9 lần 9 là 81 năm vào tiết thanh minh đầu năm dê cuối năm ngựa tức là cuối năm Ngọ (1954) đầu năm Mùi (1955) tám vạn lính cụ Hồ vào đất Tràng An giải phóng Thủ Đô Hà Nội kết thúc đô hộ của Pháp ở Bắc kỳ kéo dài 81 năm. Đó là ngày 10-10-1954.

5. Một số sự kiện khác trong thế kỷ 20

Từ tập Sấm Trạng Trình xuất bản những năm 30, cứ mỗi khi có một biến cố nào trong thời cuộc đáp ứng với lòng mong mỏi của người dân, hay đôi khi là toan tính của những ai muốn lợi dụng uy tín của Cụ Trạng là lại rộ lên những mối liên hệ suy đoán giữa những câu sấm với thời cuộc. Chúng tôi xin liệt kê ra đây một số đoạn :

a) Khố 13 :

Tiền ma bạc quỉ trao tay

Đỗ Môn, Nghe Thái đầy đầy can qua

Có người cho là ứng với việc Pháp đã thu số bạc dùng trao đổi để phát hành ra tiền giấy làm cho nhân dân điêu đứng và các cuộc khởi nghĩa nổi lên khắp nơi : ĐÔ Lương, Hóc Môn, Nghệ An và Thái Nguyên.

b) Khở 13 tiếp :

Giữa năm hai bảy mươi ba

Lửa đâu mà đốt tám gà trên mây !

Có người cho rằng việc viên toàn quyền Pierre Pasquier chết trong tai nạn máy bay năm 1933, liên hệ tới câu này. Họ cho rằng năm 1933 nhuận hai tháng bảy tức là có 13 tháng mà Pasquier (Phiên âm đọc thành Bát Kê tức là Tám gà có nghĩa là Pasquier) bị thiêu xác trên trời vào năm đó. Thật ra nếu xem lại thì năm này âm lịch không có tháng nhuận nào.

c) Khở 26.

Ba con đôi lấy một cha

Làm cho thiên hạ xót xa vì tiền

Vào những năm 30, đầu triều Bảo Đại (lên làm vua năm 1926) đất nước gặp nhiều khó khăn do biến cố thiên nhiên (đất lở cái bồi) bọn Pháp lại chủ trương ra đồng tiền Bảo Đại thay dần đồng Khải Định mà ba đồng Bảo Đại mới bằng một đồng Khải Định (ba con đôi lấy một cha) làm cho dân chúng càng điêu đứng khổ sở.

d) Khó 44:

Rồng bay năm vé sáng ngời

Rắn qua sữa soạn hết đời sa tăng

Ngựa lồng quỉ mới nhả răng

Cha con dòng họ thầy tăng hết thời

Chín con rồng lộn khắp nơi.

Nhện giăng lưới gạch đại thời mắc mưu

Rồng qua Rắn, năm Thìn 1952 qua năm Ty 1953 chuẩn bị hết thời bọn sa tăng (giặc Pháp sắp phải rút) sang năm ngọ 1954 thì trận Điện Biên Phủ là bọn Pháp chết nhả răng và thầy tăng tức thằng Tây hết thời, phải rút vào miền Nam. Có người lại còn cho rằng hai câu cuối ứng với màn lưới bắt độn của

địch như nhện giăng khắp chôn cũng không chống nổi sức mạnh kháng chiến của quân dân ta.

e) Khổ 22 - 23:

Ô hô thế sự tự bình bồng

Nam Bắc hà thời thiết lộ thông

Hồ ả sơn trung Mao tận bạch

Kinh cư hải ngoại huyết lưu hồng

Có người muốn nói : cuộc đời thay đổi (bình bồng) liệu bao giờ thì đường sắt Bắc - Nam được nối liền ? Cụ Hồ vào núi kháng chiến, họ Mao đánh tan quân Trắng (Tàu Trắng), cá voi ngoài biển máu đỏ hồng...

6. Một số sự kiện khác (2)

a) Trong tạp chí Mỹ thuật thời nay (số mới đây) ông Duy Thức cũng kể lại một giai thoại về Sấm Trạng Trình ứng với những sự kiện trong Sài Gòn tạm chiến như sau:

Lại có 8 câu đề chỉ Pháp về nước, Diệm nắm quyền, Mỹ đến, Trần Lệ Xuân thao túng, cuộc đảo chính của Nguyễn Chánh Thi bất thành, cuộc đánh bom Dinh Độc lập đến họ Dương mới đảo chính thành công :

Nước đi leo lẻo đổ về tây

Nhị hoả xưng vương cũng có ngày

Dê vẫ hai đuôi mừng ngựa đen

Hoàng thành trơ trụi cỏ cùng cây

Đông A nhập xuất khôn cung thịnh

Tý khởi hầu mình sự bất thành

Hổ khiêu chỉ kinh thiên hạ nội

Thỏ lai nhất mộc dị tường trình

Đoạn này, theo ông, có người đã giải thích như sau: Nước đi là Thủy khứ ghép lại thành chữ Pháp. Nhị hoả (hai chữ hoả) và chữ Vương ghép lại thành chữ Diệm. Hai chữ Dương (dê) thêm hai đuôi là chữ Mỹ, Mỹ đến vào năm Ngọ (1954). Kinh thành Huế bấy giờ hoang tàn vì Bảo Đại bị phế truất. Đông A ghép lại thành họ Trần, khôn cung chi về người đàn bà (Trần Lệ Xuân).

Năm Tý (1960) ngày 23 tháng 9 âm lịch (Tức 11-11-1960) cuộc đảo chính của Nguyễn Chánh Thi thất bại.

Năm Dần, tháng Dần chỉ làm kinh sợ. Ngày 23-2-1962 tháng giêng âm lịch, hai máy bay bỏ bom Dinh Độc lập.

Năm Mẹo (1963), ba chữ “nhất mộc dị” ghép lại thành họ Dương: cuộc đảo chính của Dương Văn Minh ngày 1-11-1963 lật đổ Ngô Đình Diệm.

b) Gần đây, Ở quê hương Trạng, nội cũng như ngoại, các bô lão lại nhắc tới lời tiên tri:

Bao giờ Tiên Lãng chia đôi

Sông Hàn nổi lại thì tôi lại về

và cho rằng hai câu này ứng với việc khơi lại con sông đào chia đôi huyện Tiên Lãng, chiếc cầu phao mới bắc qua Sông Hàn đề đại biểu toàn quốc về thăm quê Trạng và đền thờ Trạng được trùng tu nhân hội nghị khoa học kỷ niệm 400 năm ngày mất của Trạng năm 1985 (Tôi lại về!)

c) Theo giai thoại đăng trên báo Quan hệ quốc tế (số 8/1991) thì bốn câu cuối của bản B (trong đó có ba câu cuối của bản C) cũng có người tìm cách giải đoán.

Tướng thần hệ xuất y, chu

Thức cơ phục kiến Đường ngu thị thành

Hiệu xưng thiên hạ thái bình

Đông tây vô sự Nam thành quốc gia

và cho rằng: vào thời điểm 1991 có những người giỏi giang ra làm việc nước như thời Nghiêu Thuấn và thiên hạ thái bình, đất nước Việt Nam dần trở thành một quốc gia đáng kể.

Như chúng ta đã thấy, một số giai thoại trong phần này do người sau đặt ra và suy diễn thành. Người ta đã thần thánh hoá Trạng và vô tình hay cố ý lợi dụng uy tín của Trạng. Có một điều ta có thể khẳng định được : Cụ Trạng là một nhà nho thấu hiểu thời cuộc tinh thông Lý số cũng như Kinh Dịch nhưng chỉ ở mức cao siêu là nhận xét, dự báo sát tình thế lúc bấy giờ. Còn những suy diễn cho hàng trăm thậm chí mấy trăm năm sau rõ ràng còn cần phải được nghiên cứu lại.

Về Sấm Trạng, những vấn đề còn tồn tại là :

Nguồn gốc quyển Sấm ở đâu ra ? Ai tìm ra và tìm ra từ bao giờ ?

Phần nào, câu nào do Trạng viết ra ?

Phần nào người sau thêm vào ?

Trong nhiều bản mà sự khác biệt quá lớn như ta thấy thì đâu là bản cũ nhất ?

Đấy là chưa kể trong bài sấm người ta nói đến các năm như Tý, Sửu, Dần. Mão... lặp lại sau mỗi giáp 12 năm nên rất khó xác định và tùy ý giải thích.

Do đó, về mặt khoa học vấn đề này cần được nghiên cứu một cách đầy đủ hơn để tìm ra đâu là sự thật tránh những đánh giá vội vàng nông cạn. Đó là nhiệm vụ của các nhà nghiên cứu sau này, ở đây chúng tôi chỉ làm công tác sưu tập lại mà thôi.